MIRAE ASSET Securities

15 Tháng Sáu 2021

Bản tin cuối ngày
Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường

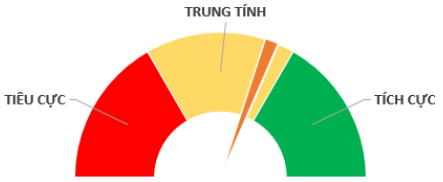

Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,367.36	0.41	7.98	64.25
HNX	318.29	-0.22	8.00	179.64
UPCOM	88.87	0.05	9.72	60.02
MSCI EM	1,383.19	0.09	5.79	43.14
NIKKEI	29,441.30	0.96	4.83	36.74
HANG	28,638.53	-0.71	2.18	17.85
KOSPI	3,258.63	0.20	3.34	60.46
FTSE	7,162.69	0.22	1.69	18.10
S&P 500	4,255.15	0.18	1.95	38.76
NASDAQ	14,174.14	0.74	5.54	45.73

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.72	2.74	14.86
SET INDEX	30.48	1.74	5.93
JCI INDEX	32.58	1.53	5.65
PCOMP	29.82	1.71	5.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.09	0	-7	-86
10 năm	2.20	1	-17	-82

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	22,951	0.20	0.41	1.17
US$/KRW	1,117	-0.02	1.59	8.88
US$/JPY	110	0.00	-0.78	-2.49
US$/EUR	0.82	-0.18	0.09	-6.75
US$/GBP	0.71	0.03	0.24	-10.63
US$/SGD	1.33	0.02	0.72	4.95

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,004	996	471
HNX	174	160	64
UPCOM	76	64	29

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử

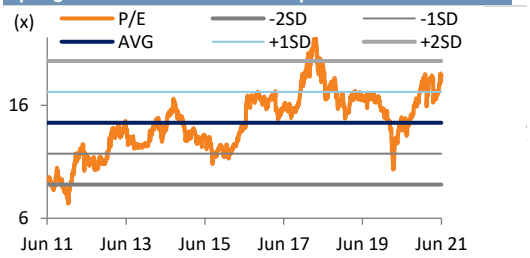

Nhận định thị trường

Nhóm cổ phiếu trụ phân hóa

Sau phiên giao dịch tăng khá ngày hôm qua, ngày giao dịch hôm nay của VN-Index diễn ra tương đối thận trọng. Dẫu cho có những rung lắc trong giờ giao dịch nhưng lực mua mạnh hơn giúp cho thị trường vẫn kết phiên trong tăng điểm. Như vậy sau phiên tăng điểm hôm nay, VN-Index chỉ còn cách đỉnh cũ khoảng 7 điểm. Kết phiên VN-Index đóng cửa tại 1.367,3 điểm, tăng 5,6 điểm, tương ứng +0,4% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 24.442 tỷ đồng, HNX: 6.405 tỷ đồng, UPCOM: 1.752 tỷ đồng.

Tuy là phiên tăng điểm, nhưng hôm nay số mã tăng (183) lại không vượt trội hơn số mã giảm giá (198). Đáng chú ý hơn khi VN30 ngược chiều so với VN-Index và ghi nhận mức giảm hơn 8 điểm (-0,5%). Nguyên nhân là các mã Ngân hàng trong nhóm này bị bán mạnh, đặc biệt là VPB với mức giảm -6,2%. Nhóm Chứng khoán tiếp tục là tâm điểm của thị trường tuy đà tăng không được mạnh mẽ như phiên hôm qua. Bên cạnh đó, VN-Index còn được hỗ trợ nhiều tư nhóm Vingroup khi cả 3 cổ phiếu này đều tăng từ +1,4% đến +2,8%

Khối ngoại mua ròng nhẹ hơn 100 tỷ đồng trong phiên hôm nay, lớn nhất là VIC (104 tỷ đồng)

Phiên giao dịch tăng điểm khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index phục hồi. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đã quay về mức +2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst,84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	5	KHẢ QUAN
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/06/2021)	1367,3	Kháng cự 1	**1.400**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	**1.500**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	**1.300**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	**1.200**

Thêm một phiên tăng điểm nhẹ và VN-Index vẫn đang trên đường quay lại chinh phục đỉnh cũ

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

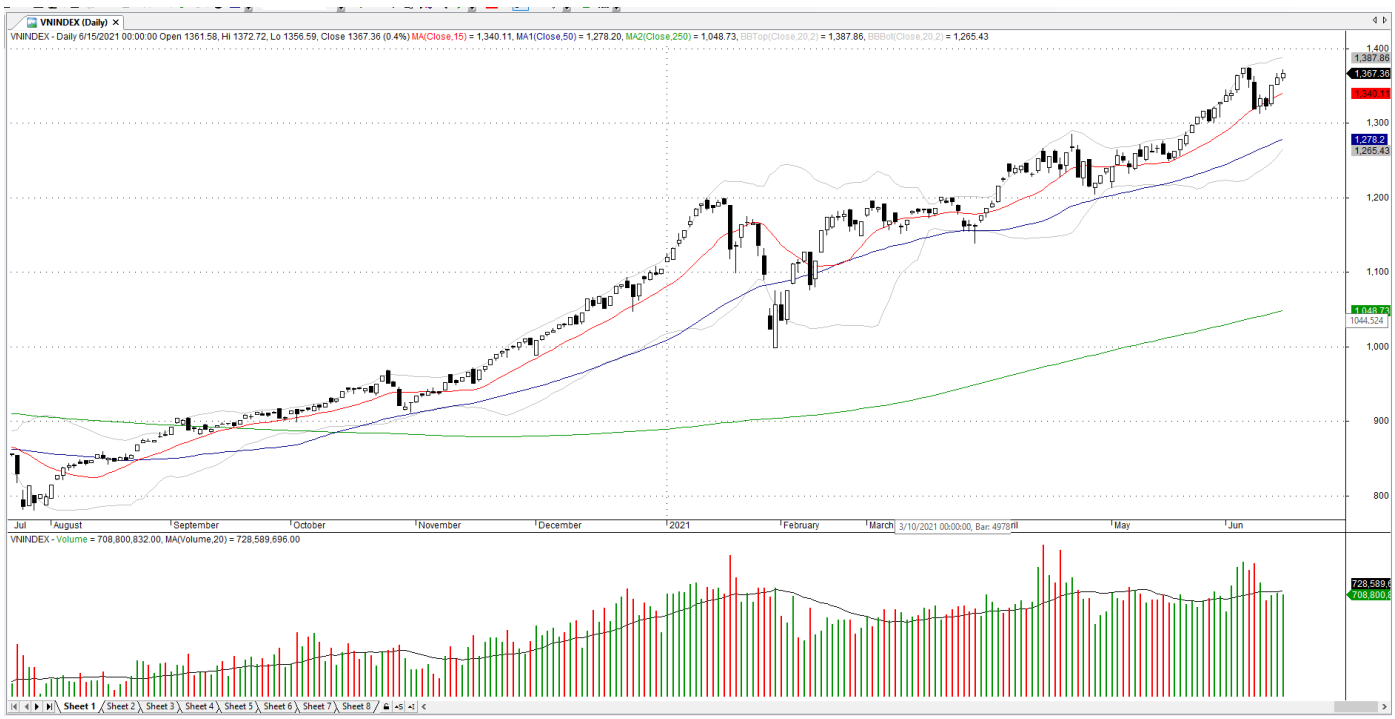

Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (15/06/2021)	1.491	Kháng cự 1	**1.500**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TRUNG TÍNH**	Kháng cự 2	**1.600**
VN30 – đóng cửa	1.487	Hỗ trợ 1	**1.400**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	+3,9	Hỗ trợ 2	**1.300**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-3	**TIÊU CỰC**
VN30F1M (chart 60 phút)	-2	**TRUNG TÍNH**
VN30F1M (chart ngày)	0	**TRUNG TÍNH**

VN30F1M có phiên giao dịch với biến động khá lớn, spread trong ngày gần 30 điểm, các điểm số giao dịch intra-day khá tiêu cực.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)

Nguồn: Fdata

MIRAE ASSET
Building on principles

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17.25	5,060,855	7	KHẢ QUAN	5,119	12.3	1.0
ACB	35.35	11,890,210	0	TRUNG TÍNH	95,514	11.1	2.5
AGR	13.9	3,186,655	0	TRUNG TÍNH	2,936	24.3	1.4
APS	15.2	2,591,655	2	TRUNG TÍNH	593	6.7	1.4
ART	10.3	8,095,335	-4	TIÊU CỰC	998	38.2	0.9
BID	44.9	5,755,990	-6	TIÊU CỰC	180,589	21.9	2.3
BSI	21.9	2,519,910	2	TRUNG TÍNH	2,662	10.7	1.7
BSR	20	21,646,050	4	KHẢ QUAN	62,010	#N/A N/A	2.0
BVH	61.2	1,201,565	7	KHẢ QUAN	45,430	24.0	2.2
BVS	28.8	1,475,245	-2	TRUNG TÍNH	2,079	11.0	1.1
CEO	10.2	4,246,730	0	TRUNG TÍNH	2,625	#N/A N/A	0.9
CII	18.55	2,572,460	-4	TIÊU CỰC	4,431	333.4	0.9
CNH	#N/A	#N/A	0	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A
CTG	52.1	16,076,025	0	TRUNG TÍNH	193,989	10.9	2.1
CTR	92.8	663,765	6	KHẢ QUAN	6,661	23.8	6.3
CTS	22.85	2,338,255	0	TRUNG TÍNH	2,431	9.3	1.6
CVC	#N/A	#N/A	0	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A
DBC	56	2,010,380	2	TRUNG TÍNH	6,453	4.4	1.4
DCM	19.45	4,223,810	4	KHẢ QUAN	10,297	17.3	1.6
DDV	15.1	3,168,535	2	TRUNG TÍNH	2,206	77.4	1.7
DGC	79.6	1,279,775	7	KHẢ QUAN	13,618	14.5	3.3
DGW	125	325,400	0	TRUNG TÍNH	5,525	16.3	4.3
DIG	26.2	6,886,560	-4	TIÊU CỰC	10,739	14.0	2.3
DRC	29.2	1,768,295	7	KHẢ QUAN	3,469	12.3	2.0
DSS	#N/A	#N/A	0	TRUNG TÍNH	12	6.4	0.5
DXG	25	15,511,760	-4	TIÊU CỰC	12,957	#N/A N/A	1.9
FIT	14.95	8,703,010	2	TRUNG TÍNH	3,808	55.9	1.2
FLC	13.2	26,402,536	2	TRUNG TÍNH	9,372	6.8	1.0
FPT	83.2	2,826,685	-2	TRUNG TÍNH	75,501	20.3	4.5
GAS	88.7	940,515	4	KHẢ QUAN	169,767	22.5	3.4
GEX	22.9	5,589,930	2	TRUNG TÍNH	17,889	13.6	1.9
GIL	60.8	644,315	7	KHẢ QUAN	2,188	5.4	1.6
GMD	42.15	2,932,955	4	KHẢ QUAN	12,703	33.8	2.1
GVR	31.8	5,819,570	7	KHẢ QUAN	127,200	29.1	2.7
HAH	30	1,667,510	6	KHẢ QUAN	1,422	8.6	1.3
HBC	15.7	5,327,800	7	KHẢ QUAN	3,625	41.0	1.0
HCM	44.9	6,715,645	7	KHẢ QUAN	13,696	18.2	2.9
HDB	34.75	6,434,140	0	TRUNG TÍNH	55,383	11.2	2.3
HDC	62.9	1,302,835	3	TRUNG TÍNH	4,184	15.6	3.4
HDG	42.45	1,809,280	-4	TIÊU CỰC	6,549	6.0	2.0
HFT	#N/A	#N/A	0	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A
HKB	#N/A	#N/A	0	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A
HNG	10.8	10,942,425	2	TRUNG TÍNH	11,972	460.0	1.4
HPG	53.2	30,454,384	-2	TRUNG TÍNH	237,960	13.1	3.6
HQC	3.99	15,540,775	6	KHẢ QUAN	1,902	266.8	0.4
HSG	41.85	12,066,480	2	TRUNG TÍNH	20,468	8.5	2.5
HUT	8.1	7,157,935	6	KHẢ QUAN	2,176	#N/A N/A	0.7
IDC	39.4	4,857,945	0	TRUNG TÍNH	11,820	37.7	3.2
IJC	33	7,759,935	2	TRUNG TÍNH	7,164	10.8	2.1
ITA	7.81	12,067,815	5	KHẢ QUAN	7,328	35.2	0.7
KBC	37.85	6,870,220	7	KHẢ QUAN	17,780	23.1	1.7
KDC	59.9	1,518,720	7	KHẢ QUAN	13,702	44.6	2.4

KDF	#N/A	#N/A	**0**	**TRUNG TÍNH**	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A
KDH	36.9	3,956,360	**4**	**KHẢ QUAN**	22,682	19.0	2.7
KSB	29.5	1,458,215	**6**	**KHẢ QUAN**	1,966	7.8	1.2
LPB	29	20,241,644	**-5**	**TIÊU CỰC**	31,165	13.8	2.1
LTG	40.4	984,235	**6**	**KHẢ QUAN**	3,256	10.5	1.2
MBB	39.3	25,589,444	**-2**	**TRUNG TÍNH**	109,991	10.9	2.1
MBS	30.2	2,839,395	**2**	**TRUNG TÍNH**	7,129	16.7	2.6
MSC	#N/A	#N/A	**0**	**TRUNG TÍNH**	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A
MSN	106.5	1,737,300	**-2**	**TRUNG TÍNH**	125,727	83.1	7.7
MWG	137.9	782,710	**-2**	**TRUNG TÍNH**	65,562	15.2	3.8
NKG	32.65	4,152,620	**-4**	**TIÊU CỰC**	5,616	9.8	1.6
NLG	39.25	3,898,255	**-2**	**TRUNG TÍNH**	11,197	9.8	1.7
NVB	19	8,223,340	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,729	712.2	1.8
NVL	104	1,927,495	**-2**	**TRUNG TÍNH**	152,636	33.7	4.8
OIL	14.3	2,989,505	**2**	**TRUNG TÍNH**	14,789	#N/A N/A	1.6
PDR	92.5	4,621,940	**7**	**KHẢ QUAN**	45,026	34.3	8.5
PET	21.35	2,656,700	**-2**	**TRUNG TÍNH**	1,784	11.6	1.1
PHR	56.6	858,335	**6**	**KHẢ QUAN**	7,669	8.0	2.4
PLX	54.8	4,314,865	**-2**	**TRUNG TÍNH**	68,161	18.8	2.9
PNJ	96	469,110	**-4**	**TIÊU CỰC**	21,827	19.3	3.8
POW	12.05	13,464,460	**2**	**TRUNG TÍNH**	28,220	11.6	1.0
PVD	22.45	10,456,000	**-2**	**TRUNG TÍNH**	9,454	146.7	0.7
PVS	28.7	17,189,684	**0**	**TRUNG TÍNH**	13,718	20.9	1.1
PVT	21.2	6,094,705	**6**	**KHẢ QUAN**	6,861	9.3	1.4
REE	56.9	757,400	**-2**	**TRUNG TÍNH**	17,585	9.9	1.5
ROS	6.54	19,421,824	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,712	204.0	0.6
SBS	13.3	4,164,325	**2**	**TRUNG TÍNH**	1,685	1,466.4	8.1
SBT	20.5	2,666,190	**2**	**TRUNG TÍNH**	12,652	18.1	1.6
SCR	12.15	11,068,390	**5**	**KHẢ QUAN**	4,451	25.2	0.9
SHB	28	30,413,290	**-7**	**TIÊU CỰC**	53,915	16.0	2.1
SHI	27.9	2,038,360	**-6**	**TIÊU CỰC**	2,542	33.4	2.3
SHS	43.2	12,468,540	**5**	**KHẢ QUAN**	8,954	9.1	2.4
SSI	52	17,277,960	**4**	**KHẢ QUAN**	33,975	18.7	3.0
STB	30.1	40,361,804	**-4**	**TIÊU CỰC**	54,290	20.1	1.8
SZC	40.9	1,104,455	**7**	**KHẢ QUAN**	4,090	19.3	3.0
TCB	52.3	18,165,364	**-4**	**TIÊU CỰC**	183,307	12.8	2.3
TCH	22.3	5,739,860	**0**	**TRUNG TÍNH**	8,902	8.7	1.5
TCS	#N/A	#N/A	**0**	**TRUNG TÍNH**	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A
TND	#N/A	#N/A	**0**	**TRUNG TÍNH**	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A
TNG	24.8	2,331,330	**6**	**KHẢ QUAN**	1,973	13.2	1.6
TPB	36	5,556,300	**-4**	**TIÊU CỰC**	38,580	9.4	2.1
TSC	12.85	6,446,840	**-7**	**TIÊU CỰC**	1,897	131.1	1.2
TTJ	#N/A	#N/A	**0**	**TRUNG TÍNH**	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	102.8	2,411,090	**-2**	**TRUNG TÍNH**	381,273	18.0	3.8
VCI	102	2,665,910	**3**	**TRUNG TÍNH**	16,983	17.9	3.4
VCS	103.7	387,715	**6**	**KHẢ QUAN**	16,592	12.2	3.9
VGT	17.4	3,131,260	**-6**	**TIÊU CỰC**	8,700	30.5	1.4
VHC	45.5	1,772,460	**5**	**KHẢ QUAN**	8,279	11.9	1.6

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

SHS: muốn chào bán cho cổ đông tỷ lệ 50%

Theo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (HNX: SHS) đặt kế hoạch năm 2021 đạt 1.886,7 tỷ đồng tổng doanh thu, tăng 4,3% so với thực hiện năm 2020. Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 751,2 tỷ đồng, giảm gần 20%. Trong cuộc họp ĐHĐCĐ tới đây, HĐQT sẽ trình cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng), chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Theo đó, công ty dự kiến phát hành gần 10,4 triệu cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 5% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền là 100:5 (cổ đông hiện hữu sở hữu 1 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 1 quyền nhận cổ phiếu, 100 quyền sẽ được nhận thêm 5 cổ phiếu mới). Cổ phiếu phát hành thêm để cổ phiếu thưởng không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành. Vốn điều lệ hiện tại của CTCK này là hơn 2.072 tỷ đồng.Về chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, công ty dự kiến phát hành hơn 103,6 triệu cổ phiếu theo tỷ lệ 50% với giá chào bán 13.500 đồng/cp. Đóng cửa phiên giao dịch ngày 14/6, giá cổ phiếu SHS đứng ở mức 40.900 đồng/cp.Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động gồm cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán; đầu tư kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá trên thị trường; đầu tư cổ phiếu.Với phương án phát hành ESOP, SHS dự kiến phát hành 4 triệu cổ phiếu theo tỷ lệ 1,93% cho cán bộ chủ chốt và cán bộ nhân viên đã có đóng góp cho sự phát triển của công ty. Giá phát hành là 12.000 đồng/cp. Số cổ phiếu ESOP này bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

NTC: chia cổ tức 2020 tỷ lệ 100%

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2021, HĐQT Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCoM: NTC) trình phương án dành 240 tỷ đồng chia cổ tức năm 2020, tương đương với 100% vốn điều lệ hiện nay (240 tỷ đồng). Trong đó, doanh nghiệp đã chi 96 tỷ đồng để tạm ứng tỷ lệ 60% trên vốn điều lệ 160 tỷ đồng vào cuối năm 2020. Doanh nghiệp sẽ tiếp tục chi tiếp 144 tỷ đồng để thanh toán cổ tức còn lai, tương đương tỷ lệ 60% (vốn điều lệ mới). Năm 2021, HĐQT Nam Tân Uyên trình tổng doanh thu 472 tỷ đồng, tương đương thực hiện năm trước. Trong đó, doanh thu hoạt động kinh doanh giảm 10% và doanh thu tài chính 237 tỷ đồng, tăng 13%. Lãi sau thuế 226,8 tỷ đồng, giảm 22%.

FPT: lãi ròng 5 tháng tăng hơn 18%

Theo thông tin từ CTCP FPT (HoSE: FPT), doanh thu và lợi nhuận trước thuế trong 5 tháng đầu năm đạt 13.279 tỷ đồng và 2.428 tỷ đồng, tăng 18,6% và 21,8% so với cùng kỳ. FPT hoàn thành 39% kế hoạch lợi nhuận trước thuế sau 5 tháng.Biên lợi nhuận trước thuế tăng từ 17,8% lên 18,3%. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ và EPS lần lượt đạt 1.569 tỷ đồng và 1.996 đồng, tăng 18,3% và 17,8%. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế mảng dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) trong nước đạt 1.983 tỷ đồng và 207 tỷ đồng, tăng lần 46,0% và 251,5%. Doanh thu ký mới của dịch vụ CNTT nội địa tăng trưởng 87,5%. Đối với thị trường nước ngoài, doanh thu ký mới của dịch vụ CNTT đạt 7.435 tỷ đồng, tăng 52%. Doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 13,2%, trong đó doanh thu từ thị trường Mỹ và APAC tăng lần lượt 34% và 23%. Doanh thu chuyển đổi số tăng 5% nhờ đà tăng từ các công nghệ điện toán đám mây và Low code. Nhờ lợi nhuận từ PayTV, biên lợi nhuận cải thiện từ dịch vụ internet băng thông rộng và sự tăng trưởng tốt của mảng quảng cáo trực tuyến, lợi nhuận trước thuế của khối viễn thông tăng 28,7% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế của khối giáo dục, đầu tư và khác giảm do một số mảng kinh doanh vẫn đang trong thời gian đầu tư, hiện chưa tạo ra lợi nhuận.

PVT: Trình lại phương án thoái vốn nhà nước tại ĐHCĐ

Sáng ngày 15/6, Tổng công ty Vận tải Dầu khí (PV Trans, HoSE: PVT) đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2021, lần đầu thực hiện theo phương thức họp trực tuyến. Báo cáo tại đại hội, Tổng giám đốc Phạm Việt Anh cho biết thời gian tới còn nhiều biến động, đặc biệt là Covid-19 và biến động giá dầu. Doanh nghiệp cũng có các cơ hội để đầu tư với mục tiêu đổi mới đội tàu lên 34 chiếc.Kết quả kinh doanh ước 6 tháng ước đạt 3.500 tỷ đồng doanh thu, thực hiện 60% kế hoạch năm và tăng 5% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế ước tính đến nay ước đat 420 tỷ đồng, tăng 10% cùng kỳ và thực hiện 84% kế hoạch năm. CEO Phạm Việt Anh tin tưởng kết quả này sẽ tạo đà tăng trưởng 10 năm liên tiếp cho tổng công ty. Trước đây tập đoàn Dầu khí có kế hoạch thoái vốn PVTrans về mức 36%. Hiện nay tập đoàn Dầu khí đang

trình lại Chính phủ và kết quả cuối cùng vẫn chưa có. Tuy nhiên tập đoàn Dầu khí vẫn có quan điểm giữ thoái vốn ở mức 36% và đang chờ thêm quan điểm vĩ mô của Chính phủ cũng như tập đoàn. Dù góc độ thoái vốn như thế nào thì tinh thần chung vẫn là tạo cơ chế thông thoáng, linh hoạt để tổng công ty phát triển, đem lại lợi ích cho tất cả cổ đông.

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets

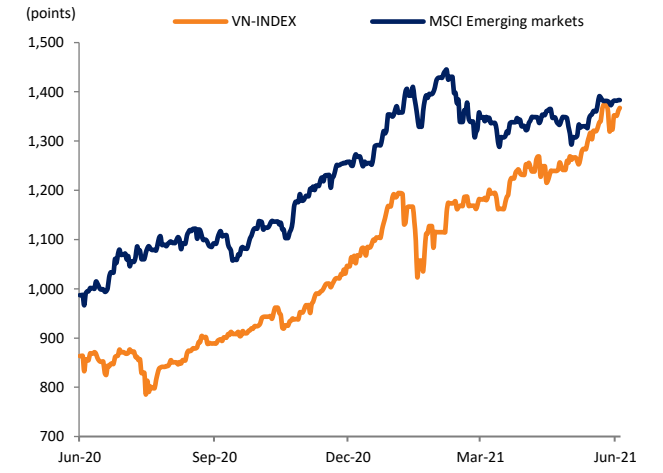

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND

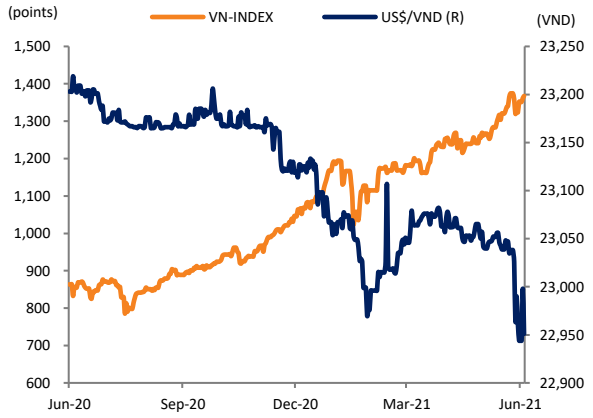

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài

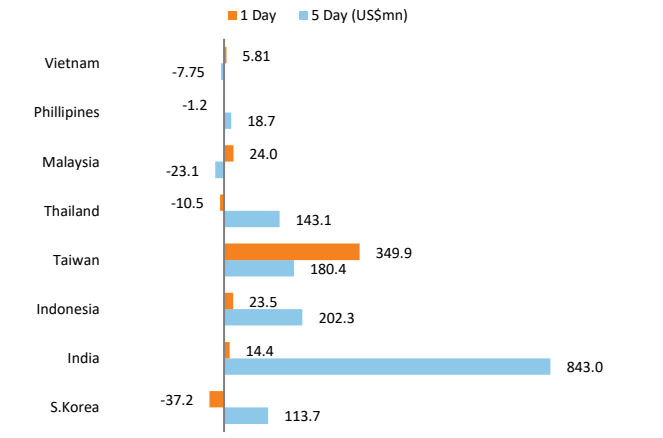

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND

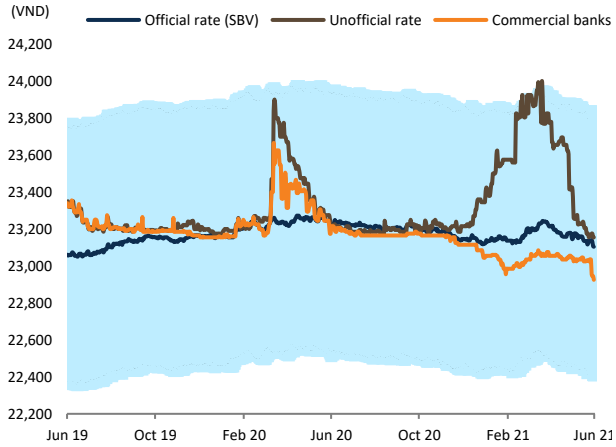

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

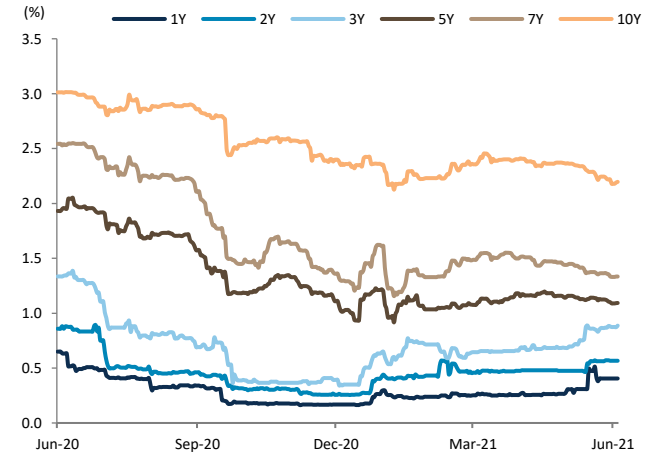

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

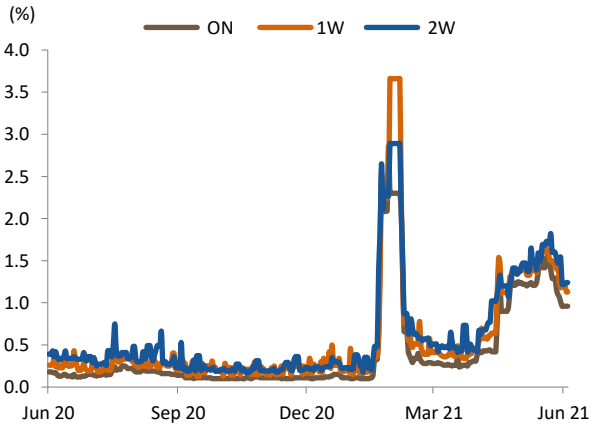

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
		(VND)	(VND bn)	(%)	1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	**VN30 Index**	**1,487.04**	**3,603,885**		**-0.6**	**3.3**	**7.8**	**91.0**	**14.5**	**12.3**	**2.7**	**2.3**	**14.7**	**18.1**	**22.8**	**20.6**
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	44,900	180,589	16.7	0.0	0.2	6.0	12.5	19.1	14.0	2.0	1.7	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	61,200	45,430	27.2	2.0	7.4	9.7	29.7	26.5	23.5	2.2	2.0	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	52,100	193,989	25.3	-0.8	6.3	10.9	133.6	12.0	9.9	2.0	1.7	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	83,200	75,501	49.0	-0.7	3.0	12.8	108.0	18.9	15.5	4.1	3.7	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	88,700	169,767	2.5	-0.9	0.7	5.5	23.0	16.9	15.7	3.2	3.0	30.3	7.6	20.2	20.3
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	34,750	55,383	17.4	1.9	7.6	11.4	110.0	9.8	8.2	1.9	1.6	33.5	18.9	21.8	21.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	53,200	237,960	26.2	-0.7	6.4	17.0	239.3	8.8	8.3	2.6	2.0	111.3	6.7	38.9	28.5
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,900	22,682	31.5	0.0	5.3	9.0	85.3	19.2	15.1	2.5	2.1	2.6	27.1	14.2	15.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	39,300	109,991	21.8	0.0	5.4	19.1	168.3	9.9	8.5	1.9	1.6	33.2	17.0	21.2	20.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	106,500	125,727	32.8	-0.4	2.4	-1.5	88.8	46.5	26.5	6.1	4.9	117.1	75.8	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	137,900	65,562	49.0	-0.1	1.4	-3.2	67.2	12.7	10.1	3.2	2.6	25.9	25.3	28.1	28.3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,000	152,636	8.2	0.1	3.8	5.2	158.5	35.0	30.1	4.2	4.4	1.4	16.4	16.5	12.6
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	92,500	45,026	2.9	1.2	12.4	28.5	400.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	54,800	68,161	17.0	-0.4	0.2	0.0	24.5	20.2	16.7	2.8	2.7	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	96,000	21,827	49.0	-1.0	0.0	1.9	67.8	16.4	13.0	3.5	2.9	35.7	26.5	24.3	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,050	28,220	3.1	-1.2	-0.4	-1.6	14.8	13.5	11.5	0.9	0.9	-10.7	17.8	7.3	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	56,900	17,585	49.0	2.5	1.6	1.6	88.1	9.5	7.8	1.3	1.2	13.9	21.2	14.8	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	20,500	12,652	8.8	-3.8	-3.3	1.5	39.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	52,000	33,975	47.3	0.0	18.2	47.3	259.9	21.3	16.6	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	30,100	54,290	11.5	-2.3	5.2	14.0	149.8	25.9	17.7	1.8	1.6	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	52,300	183,307	22.5	-0.8	5.7	7.5	160.2	11.3	9.6	2.0	1.7	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,300	8,902	14.6	0.5	1.8	-0.9	3.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	36,000	38,580	30.0	-0.8	2.9	12.7	116.7	8.4	7.1	1.8	1.4	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	102,800	381,273	23.3	0.8	2.8	6.1	25.4	16.7	14.0	3.2	2.7	37.4	19.7	22.1	21.7
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	112,600	370,399	22.6	2.5	6.9	15.8	60.9	12.1	11.2	3.2	2.6	11.5	8.9	31.2	26.8
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	121,700	411,642	14.1	1.4	1.6	-2.9	36.7	59.9	44.7	4.4	3.9	20.2	34.0	7.8	9.5
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	117,000	63,369	18.3	1.1	-0.2	-0.8	7.3	156.0	23.9	3.4	2.8	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	92,900	194,157	54.7	0.4	3.6	3.8	-0.5	18.8	17.7	5.8	5.5	3.4	6.7	34.1	34.7
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	66,500	163,241	15.4	-6.2	-7.0	-0.2	207.9	11.8	10.4	2.2	1.8	32.5	13.4	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,850	74,646	30.4	2.8	3.8	7.2	31.4	25.7	20.7	2.4	2.1	21.8	24.2	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%) 1D	1W	1M	1Y	P/E (X)* 2021	2022	P/B (X)* 2021	2022	Tăng trưởng EPS (%)* 2021	2022	ROE (%)* 2021	2022
VN-Index	**5.64**	**5,108,575**	**0.4**	**3.6**	**8.0**	**64.3**	**16.5**	**13.7**	**2.7**	**2.3**	**13.2**	**20.8**	**19.4**	**18.7**
Ô tô và phụ tùng	0.08	8,538	3.8	4.9	4.0	48.8	6.0	5.5	1.2	1.1	34.9	8.4	12.1	11.5
Ngân hàng	-4.05	1,718,176	-0.8	1.5	10.5	84.1	13.9	11.0	2.2	1.9	31.1	22.9	18.7	18.5
Xây dựng cơ bản	0.65	179,811	1.4	3.1	2.9	73.1	5.8	4.7	0.4	0.3	10.2	27.7	5.6	6.2
Dịch vụ thương mại	0.00	4,521	0.1	0.8	4.1	21.8	7.2	5.6	NA	NA	18.8	27.9	10.1	12.2
May mặc và trang sức	-0.07	43,708	-0.6	1.2	3.2	133.5	11.9	9.9	2.4	2.0	44.5	20.5	17.8	17.4
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	8,241	0.4	1.5	-0.3	11.0	NA	9.2	NA	NA	NA	NA	-7.3	5.1
Dịch vụ tài chính	0.32	89,366	1.4	11.6	39.5	237.8	11.4	6.3	0.5	NA	23.3	28.2	8.1	6.2
Năng lượng	-0.12	87,435	-0.5	4.3	3.5	43.1	21.4	16.2	2.4	2.3	NA	28.4	13.6	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.65	528,945	0.5	2.3	4.2	28.7	23.7	17.6	4.6	4.1	38.1	28.6	20.9	22.2
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	931	-2.6	-11.1	6.8	25.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,892	0.7	2.6	1.0	2.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.32	53,456	2.3	10.3	10.6	31.2	23.5	20.8	1.9	1.8	11.6	13.7	7.8	8.4
Nguyên vật liệu	2.28	506,290	2.1	5.6	15.7	176.5	13.9	13.3	2.0	0.9	80.8	-1.5	23.2	17.8
Giải trí và truyền thông	0.00	1,542	-0.8	-0.7	-8.6	-25.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.11	36,159	3.5	3.7	10.3	64.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	5.93	1,264,899	-1.0	1.4	7.2	30.5	9.1	7.8	1.5	1.0	10.5	14.2	9.2	9.7
Bán lẻ	0.00	74,156	1.8	5.8	7.0	76.1	29.2	22.9	3.1	2.7	19.4	19.7	15.1	14.1
Phần mềm và dịch vụ	-0.15	79,878	0.0	2.0	-2.5	64.6	11.9	9.4	2.9	2.4	39.0	24.3	25.2	25.5
Thiết bị và phần cứng	0.00	5,525	-0.6	1.5	12.3	104.3	17.7	14.5	3.9	3.4	29.9	19.3	24.0	24.7
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,480	0.1	4.2	-4.6	359.6	13.2	11.3	3.5	2.7	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	0.23	163,942	2.6	5.3	21.6	195.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.38	254,684	0.5	3.3	2.9	27.1	63.4	11.7	27.7	1.3	NA	NA	-72.3	-36.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	112,600	2.5	5,394,500	2.4
GVR VN	31,800	6.9	9,611,200	2.3
VIC VN	121,700	1.4	1,348,000	1.6
ACB VN	35,350	3.7	18,178,200	0.9
VCB VN	102,800	0.8	1,420,700	0.8
BCM VN	55,000	3.8	66,600	0.6
VRE VN	32,850	2.8	5,436,900	0.6
SAB VN	168,500	1.8	268,600	0.5
KBC VN	37,850	6.9	20,874,800	0.3
HDB VN	34,750	1.9	5,603,100	0.3

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VPB VN	66,500	-6.2	37,834,100	-3.0
SSB VN	41,300	-4.0	2,466,800	-0.6
LPB VN	29,000	-5.5	16,885,200	-0.5
HPG VN	53,200	-0.7	21,707,700	-0.5
VIB VN	50,800	-1.9	1,033,400	-0.4
GAS VN	88,700	-0.9	548,600	-0.4
CTG VN	52,100	-0.8	16,190,500	-0.4
TCB VN	52,300	-0.8	19,611,800	-0.4
STB VN	30,100	-2.3	29,659,500	-0.3
OCB VN	30,100	-2.4	4,939,000	-0.2

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.